TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 28-8-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị My N, sinh năm 1983 – Xin vắng mặt;

- *Bị đơn*: Anh Trương Dũng L, sinh năm 1980 - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T C, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị My N trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Trảng Bàng (nay là phường L H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình anh L tại ấp T C, xã Đ T, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi, không quan tâm, lo lắng cho vợ con, chị còn nghi ngờ anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữa khác. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Từ

tháng 01-2024 chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh L không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 một con chung tên Trương Hoàng N1, sinh ngày 03-8-2003; Trương Thị Cẩm L1, sinh ngày 23-10-2004 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 11-7-2007. Cháu N1 và cháu L1 hiện đã thành niên và có khả năng lao động, cháu T hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu N1 và cháu L1; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trương Dũng L trình bày:

Lời trình bày của anh L và chị N về thời gian chung sống, ly thân, con chung, thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh L trình bày do vợ chồng thiếu nợ, kinh tế khó khăn và vợ chồng bất đồng quan điểm về việc kết hôn của con nên vợ chồng mâu thuẫn nhau. Chị N nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đó chỉ là đồng nghiệp đùa giỡn với nhau, nhưng anh cũng đã xin lỗi chị N hứa không tái phạm. Từ khi vợ chồng ly thân anh có đến nhà cha mẹ vợ một lần để đặt vấn đề đoàn tụ với chị N, nhưng cha mẹ vợ chửi anh nên anh không dám đến nữa. Anh nhiều lần gọi điện thoại cho chị N nhưng chị N không nghe.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ với chị N.

Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Anh yêu cầu như sau:

Về con chung: Cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 03-8-2003 và Trương Thị Cẩm L1, sinh ngày 23-10-2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao cháu Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 11-7-2007 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, nhưng tùy theo khả năng anh có bao nhiêu thì anh vẫn cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay tiền ngân hàng, 01 năm nữa mới đến hạn trả nợ, hiện nay anh vẫn đang trả lãi đầy đủ cho ngân hàng. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng làm trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị My N yêu cầu được ly hôn anh Trương Dũng L.

Về con chung: Cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 03-8-2003 và Trương Thị Cẩm L1, sinh ngày 23-10-2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 11-7-2007 cho chị Nguyễn Thị My N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Tại phiên tòa anh L mới trình bày vợ chồng có nợ ngân hàng. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị My N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Trảng Bàng (nay là phường L H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01-2024 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh L ham chơi, không quan tâm, lo lắng cho vợ con, chị còn nghi ngờ anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữa khác, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Tại phiên tòa anh L cũng thừa nhận trước đây anh có chơi cờ bạc thiếu nợ và có đùa giỡn với đồng nghiệp nữ làm cho chị N hiểu lầm nhưng anh đã xin lỗi chị N, cố gắng thay đổi và đi làm kiếm tiền trả nợ. Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh L chung sống, thể hiện vào năm 2019 chị N và anh L có mâu thuẫn nhau do anh L chơi cờ bạc ở Campuchia, và hiện chị N đã về nhà cha mẹ ruột chị N sống từ tháng 01-2024 đến nay. Nay anh L yêu cầu đoàn tụ với chị N, nhưng chị N kiên quyết ly hôn, anh L không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 03 con chung là cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 03-8-2003; Trương Thị Cẩm L1, sinh ngày 23-10-2004 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 11-7-2007. Cháu N1 và cháu L1 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Cháu T hiện đang sống với chị N từ khi chị N và anh L ly thân, nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu T, cháu có nguyện vọng được theo sống với chị N nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa trình bày ý kiến, chị N trình bày vợ chồng không có nợ chung. Tại phiên tòa anh L mới trình bày vợ chồng có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng, khoản nợ vẫn chưa đến hạn và hiện anh L vẫn đang trả tiền lãi đầy đủ cho ngân hàng. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về nợ chung.

[6] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị My N về việc yêu cầu ly hôn anh Trương Dũng L.

Chị Nguyễn Thị My N được ly hôn anh Trương Dũng L.

2. Về con chung: Cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 03-8-2003 và Trương Thị Cẩm L1, sinh ngày 23-10-2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 11-7-2007 cho chị Nguyễn Thị My N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị My N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014871 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho anh L biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường L H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc